

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29 – 5 – 2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Nguyễn Văn Tho

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành G, sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. (Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội; Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành G tự nguyện tiến tới hôn nhân, không ai ép buộc, và chung

sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành vào năm 2005. Nhìn chung trong cuộc sống sinh hoạt gia đình từ lúc sau khi về chung sống tương đối rất là đầm ấm, hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến với nhau, chồng thường ghen tuông vô cớ đánh đập vợ con, nghĩ tình nghĩa vợ chồng và vì con nên bà ráng chịu đựng nhưng đến nay chồng không sửa đổi tính tình ngày càng đánh đập bà nhiều hơn, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, hay cãi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Thành G.

Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày: 17/4/2002 và Nguyễn Thành Ch (nam), sinh ngày: 23/02/2005. Cả 02 con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang 20.000.000đồng vay tiền làm cây nước.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành G trình bày: Ông và bà N chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, trong cuộc sống vợ chồng có cãi nhau, khi say rượu thì có đánh bà N nhưng ông vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày: 17/4/2002 và Nguyễn Thành Ch (nam), sinh ngày: 23/02/2005. Cả 02 con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang 20.000.000đồng vay tiền làm cây nước.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành G vắng mặt nên không có ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thành G; Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày: 17/4/2002 và Nguyễn Thành Ch (nam), sinh ngày: 23/02/2005. Cả 02 con chung đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không giải quyết. Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội không yêu cầu giải quyết tiền nợ vay của bà N và

ông G nên không giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành G, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thành G tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, và có đăng ký kết hôn theo quy định, được Ủy ban nhân dân xã Phú H, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/8/2005 nên hôn nhân giữa bà N và ông G được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà N và ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông G. Phía ông G không đồng ý ly hôn do còn thương yêu bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông G nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, mặt khác ông G cũng thừa nhận lúc say có đánh bà N, bà N cũng đã nhiều lần cho ông G cơ hội để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông G vẫn không thay đổi, bà N cũng đã cố gắng nhường nhịn để duy trì hôn nhân nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không có chuyển biến tích cực, quá sức chịu đựng nên bà N xin ly hôn với ông G. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà N đã được Hội đồng xét xử phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía bà N vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông G. Phía ông G không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N xin ly hôn với ông G là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thành G.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày: 17/4/2002 và Nguyễn Thành Ch (nam), sinh ngày: 23/02/2005. Cả 02 con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Tại công văn số 74/NHCS ngày 10/5/2023 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành xác định: Bà Trần Thị N có đại diện hộ gia đình vay số tiền 20 triệu, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày vay 12/4/2023 và hạn trả là ngày 12/4/2028. Trong quá trình vay, hộ vay không có thể chấp tài sản tại ngân hàng mà được hội phụ nữ xã Phú Tân giám sát quản lý nguồn vốn. Hiện vợ chồng bà N ông G ly hôn, ngân hàng đã tự thỏa thuận với hộ vay, nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, không yêu cầu giải quyết vấn đề tiền vay của bà N ông G do đương sự chưa có vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Thành G. Chấp nhận cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thành G.

4. Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày: 17/4/2002 và Nguyễn Thành Ch (nam), sinh ngày: 23/02/2005. Cả 02 con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không giải quyết.

5. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

6. Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang không yêu cầu giải quyết vấn đề tiền vay của bà N ông G trong cùng vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011020 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Bà N đã nộp xong.

8. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/5/2023.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- UBND xã Phú Hữu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương